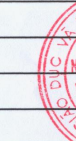


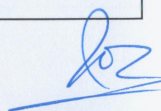
BẢNG GHI ĐIỂM KỲ SÁT HẠCH KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRÌNH ĐỘ: CƠ BẢN
KHÓA: 25, 26/03/2023

Stt	SBD	Họ và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						LT	TH		
01	0001	Cao Nguyễn Gia	Bảo	24/02/2005	Cần Thơ	5,0	6,0	Đạt	
02	0002	Nguyễn Thị Minh	Châu	01/8/2005	Tiền Giang	6,5	6,0	Đạt	
03	0003	Hồ Cẩm	Chương	06/4/2005	Cần Thơ	6,5	6,0	Đạt	
04	0004	Nguyễn Thanh	Đủ	22/02/2004	Cần Thơ	5,5	6,0	Đạt	
05	0005	Nguyễn Tấn	Dũng	31/12/2003	Cần Thơ	4,0	4,5	Không đạt	
06	0006	Võ Quốc	Dương	18/9/2005	Cần Thơ	6,0	6,0	Đạt	
07	0007	Nguyễn Quang	Dương	02/7/2005	Hậu Giang	4,0	5,5	Không đạt	
08	0008	Bùi Hoàng	Duy	17/01/2004	Hậu Giang	4,0	4,5	Không đạt	
09	0009	Nguyễn Trường	Giang	27/6/2005	Cần Thơ	3,5	5,0	Không đạt	
10	0010	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Hân	08/6/2005	Cần Thơ	5,0	6,0	Đạt	
11	0011	Lữ Anh	Hào	12/4/2003	Cần Thơ	4,0	4,5	Không đạt	
12	0012	Lê Thị Ngọc	Hiền	12/3/2005	Cần Thơ	4,5	5,0	Không đạt	
13	0013	Lê Thanh	Hiếu	22/9/2005	Cần Thơ	4,0	6,0	Không đạt	
14	0014	Võ Tuyết	Huệ	09/6/2004	Cần Thơ	5,0	5,5	Đạt	
15	0015	Nguyễn Hoàng	Kha	21/5/2004	Cần Thơ	6,0	5,0	Đạt	
16	0016	Tô Nguyễn Mạnh	Khang	15/7/2005	Cần Thơ	6,0	6,0	Đạt	
17	0017	Nguyễn Thanh	Khang	18/8/2005	Cần Thơ	4,0	5,0	Không đạt	
18	0018	Lê Vĩ	Khang	09/01/2003	Cần Thơ	4,5	4,5	Không đạt	

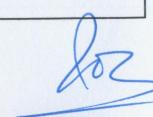
Stt	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					LT	TH		
19	0019	Lê Trần Đăng	Khoa	04/10/2007	Cần Thơ	4,5	5,0	Không đạt
20	0020	Lương Quốc	Khôi	19/4/2005	Cần Thơ	8,0	6,0	Đạt
21	0021	Nguyễn Thị	Khôn	11/6/2005	Cần Thơ	3,0	3,0	Không đạt
22	0022	Nguyễn Minh	Mẫn	26/02/2004	Cần Thơ	2,5	4,5	Không đạt
23	0023	Võ Chúc	Nam	06/10/2005	Cần Thơ	5,0	3,0	Không đạt
24	0024	Hồ Thị Tuyết	Ngân	06/7/2005	Cần Thơ	3,0	3,5	Không đạt
25	0025	Huỳnh Thị Hoài	Ngọc	16/9/2004	Cần Thơ	7,0	3,5	Không đạt
26	0026	Nguyễn Thị Như	Ngọc	15/01/2005	Kiên Giang	5,5	2,5	Không đạt
27	0027	Nguyễn Quốc	Nguyên	02/11/2005	Cần Thơ	6,5	5,0	Đạt
28	0028	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	28/4/2005	Hậu Giang	2,5	4,0	Không đạt
29	0029	Đỗ Hoài	Nhân	02/11/2005	Cần Thơ	3,0	3,5	Không đạt
30	0030	Bùi Hữu	Nhân	08/12/2005	Cần Thơ	4,0	5,0	Không đạt
31	0031	Võ Thị Thi	Nhân	31/8/2004	Cần Thơ	3,5	3,5	Không đạt
32	0032	Lê Thành Tài	Nhân	06/3/2005	Cần Thơ	V	v	Vắng
33	0033	Lê Thị Kiều	Nhi	18/11/2005	Cần Thơ	7,0	3,5	Không đạt
34	0034	Huỳnh Thị Thảo	Như	12/8/2005	Cần Thơ	7,0	3,0	Không đạt
35	0035	Lê Huỳnh	Như	11/10/2003	Cần Thơ	7,0	5,0	Đạt
36	0036	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	29/10/2005	Cần Thơ	8,0	2,5	Không đạt
37	0037	Đặng Văn	Thắng	01/11/2005	Cà Mau	7,5	5,0	Đạt
38	0038	Trần Nguyễn Tấn	Thành	12/01/2005	Cần Thơ	5,0	0,5	Không đạt
39	0039	Trần Nguyễn Thuận	Thành	29/3/2007	Cần Thơ	5,0	5,0	Đạt
40	0040	Lý Xuân	Thảo	07/4/2005	Cần Thơ	5,0	2,5	Không đạt
41	0041	Nguyễn Ngọc	Thảo	08/8/2007	Cần Thơ	5,5	5,5	Đạt
42	0042	Trần Tấn	Thịnh	21/4/2004	Cần Thơ	6,0	5,0	Đạt

Stt	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					LT	TH		
43	0043	Trần Anh	Thu	14/4/2005	Cần Thơ	3,0	6,0	Không đạt
44	0044	Nguyễn Trọng	Tín	06/7/2005	Cần Thơ	3,5	3,0	Không đạt
45	0045	Lê Hoàng	Tinh	26/10/1994	Cần Thơ	7,5	5,5	Đạt
46	0046	Lê Đăng Bảo	Trăm	04/6/2005	Cần Thơ	5,0	3,5	Không đạt
47	0047	Nguyễn Thị Quỳnh	Trân	17/01/2005	Cần Thơ	6,5	2,5	Không đạt
48	0048	Nguyễn Thị Thùy	Trân	28/11/2004	Hậu Giang	5,0	3,5	Không đạt
49	0049	Trần Thị Diễm	Trinh	17/7/2005	Cần Thơ	5,0	3,0	Không đạt
50	0050	Lê Ngọc Kiều	Trinh	11/6/1999	Cần Thơ	6,0	5,0	Đạt
51	0051	Trần Nhứt	Trường	25/12/2005	An Giang	4,5	3,0	Không đạt
52	0052	Võ Hoàng	Tuấn	25/4/1985	Cần Thơ	5,0	6,0	Đạt
53	0053	Lương Quốc Duy	Tường	15/8/2005	Cần Thơ	5,0	5,0	Đạt
54	0054	Trần Thế	Văn	06/5/2005	Cần Thơ	3,5	5,0	Không đạt
55	0055	Trần Thế	Vinh	11/4/1992	Cần Thơ	5,5	6,0	Đạt
56	0056	Nguyễn Thanh	Vy	01/02/2005	Bình Phước	5,0	6,0	Đạt
57	0057	Võ Thị Như	Ý	04/01/2005	Cần Thơ	4,5	3,5	Không đạt
58	0058	Nguyễn Thị Như	Ý	25/12/2005	Cần Thơ	7,5	5,5	Đạt
59	0059	Phan Thị Loan	Anh	12/4/2004	Kiên Giang	3,0	3,5	Không đạt
60	0060	Thị Bé	Ba	06/11/1999	Kiên Giang	9,0	7,0	Đạt
61	0061	Nguyễn Triệu	Di	11/3/2004	An Giang	8,0	7,5	Đạt
62	0062	Giang Mộng Kiều	Diễm	12/6/1983	Cần Thơ	9,0	8,5	Đạt
63	0063	Trần Kiều	Đoan	24/02/2004	Cà Mau	9,0	6,5	Đạt
64	0064	Phạm An	Đông	10/5/2002	Đồng Tháp	8,0	7,5	Đạt
65	0065	Dương Phan Phú	Đức	01/02/2003	An Giang	9,0	8,5	Đạt
66	0066	Trần Nguyệt	Dung	16/10/2004	Vĩnh Long	9,0	8,0	Đạt

Stt	SBD	Họ và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						LT	TH		
67	0067	Phạm Huỳnh Thùy	Dương	15/3/2004	Cần Thơ	9,0	8,0	Đạt	
68	0068	Tô Thị Bích	Hạnh	11/8/1994	Cần Thơ	7,0	4,0	Không đạt	
69	0069	Lê Nhật	Hào	29/9/2004	Hậu Giang	7,5	6,5	Đạt	
70	0070	Nguyễn Văn	Khương	03/01/1991	An Giang	7,0	5,0	Đạt	
71	0071	Hình Ngọc Kim	Ngân	21/7/2004	Long An	9,0	9,5	Đạt	
72	0072	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	22/12/1996	Cần Thơ	9,0	8,0	Đạt	
73	0073	Lê Nguyễn Trung	Nhân	09/9/1993	An Giang	9,5	6,5	Đạt	
74	0074	Lâm Yến	Nhi	27/12/1997	Cần Thơ	9,0	9,0	Đạt	
75	0075	Lê Quế	Nhi	23/3/2004	Vĩnh Long	7,5	8,5	Đạt	
76	0076	Dương Thị Quỳnh	Như	17/02/2002	Bến Tre	8,0	8,5	Đạt	
77	0077	Lê Huỳnh	Như	03/9/2003	Cà Mau	8,0	7,0	Đạt	
78	0078	Trần Huỳnh Mai	Như	23/3/2004	Bến Tre	7,0	6,0	Đạt	
79	0079	Nguyễn Trần	Phát	04/12/2004	Bến Tre	5,0	6,5	Đạt	
80	0080	Trần Thanh	Đạt	27/4/1992	Kiên Giang	6,5	7,5	Đạt	
81	0081	Nguyễn Ngọc Phương	Duy	24/8/1997	Trà Vinh	8,0	9,0	Đạt	
82	0082	Nguyễn Hoàng	Em	20/8/1988	Trà Vinh	8,5	8,0	Đạt	
83	0083	Trần Nguyễn Gia	Hân	22/5/2003	Cần Thơ	9,0	6,5	Đạt	
84	0084	Nguyễn Công	Hậu	10/12/1995	Vĩnh Long	9,0	7,5	Đạt	
85	0085	Võ Thị Thúy	Huỳnh	13/12/1995	Kiên Giang	9,0	9,0	Đạt	
86	0086	Trần Hữu	Lộc	03/02/1997	Kon Tum	9,0	7,5	Đạt	
87	0087	Tôn Ngọc	Lượng	16/9/2001	Cà Mau	6,5	6,0	Đạt	
88	0088	Nguyễn Hoàng	Nam	07/3/1993	Hậu Giang	8,5	8,0	Đạt	
89	0089	Trương Ý	Ngọc	04/9/1997	An Giang	8,5	6,0	Đạt	
90	0090	Hà Thị Kim	Phượng	13/12/1996	Cần Thơ	8,5	6,0	Đạt	



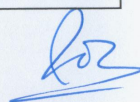
Stt	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					LT	TH		
91	0091	Trương Thị Kiều	Quanh	07/11/2004	An Giang	9,5	8,5	Đạt
92	0092	Cao Trần Phương	Thảo	08/12/2002	Trà Vinh	9,0	8,0	Đạt
93	0093	Nguyễn Ngọc Kiều	Thi	25/01/1999	Vĩnh Long	9,5	8,0	Đạt
94	0094	Nguyễn Thị Kim	Thoa	09/7/2001	An Giang	7,0	7,0	Đạt
95	0095	Hà Thị Ngọc	Thư	10/12/1997	An Giang	8,0	8,0	Đạt
96	0096	Võ Thị Anh	Thư	26/5/2004	Vĩnh Long	8,5	7,5	Đạt
97	0097	Dương Chí	Bảo	21/8/2001	Cần Thơ	5,0	6,5	Đạt
98	0098	Nguyễn Kiều	Diễm	15/9/2002	Bạc Liêu	5,5	5,0	Đạt
99	0099	Phạm Thị	Diệu	04/4/2001	An Giang	7,0	5,0	Đạt
100	0100	Nguyễn Thu	Linh	20/9/2004	An Giang	7,0	9,5	Đạt
101	0101	Quách Mỹ	Loan	10/7/1998	Bạc Liêu	6,5	7,0	Đạt
102	0102	Lê Thị Thảo	My	09/02/1999	Cần Thơ	8,0	8,5	Đạt
103	0103	Ông Thúy	Mỹ	29/6/2004	Trà Vinh	8,0	9,0	Đạt
104	0104	Nguyễn Mỹ	Ngân	12/12/2000	Cần Thơ	7,5	6,0	Đạt
105	0105	Trần Thị	Thứ	01/8/2001	Trà Vinh	7,0	7,0	Đạt
106	0106	Hồng Thị Ánh	Tuyết	15/12/1987	Kiên Giang	8,0	7,5	Đạt
107	0107	Dương Thị Xuân	Thy	01/11/2004	Vĩnh Long	9,0	8,0	Đạt
108	0108	Phạm Thị Triều	Tiên	20/11/2000	Cần Thơ	6,5	7,0	Đạt
109	0109	Võ Văn	Tới	11/7/2001	An Giang	8,0	9,0	Đạt
110	0110	Đỗ Thị Diễm	Trang	19/8/1983	Cần Thơ	8,0	7,0	Đạt
111	0111	Phạm Thị Bích	Trang	01/4/2004	An Giang	7,0	7,0	Đạt
112	0112	Lâm Cẩm	Tú	25/4/2004	Cần Thơ	7,0	6,5	Đạt
113	0113	Thái Thanh	Xuân	12/10/2004	Sóc Trăng	7,0	8,0	Đạt
114	0114	Trần Ngọc	Yến	09/8/1990	Sóc Trăng	9,0	8,0	Đạt



Stt	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					LT	TH		
115	0115	Huỳnh Tấn	Đạt	07/9/2005	Cần Thơ	8,5	7,0	Đạt
116	0116	Nguyễn Thanh	Dinh	15/7/2006	Cần Thơ	9,0	6,0	Đạt
117	0117	Huỳnh Ngọc	Dư	09/6/1998	Cần Thơ	9,0	9,0	Đạt
118	0118	Huỳnh Hữu	Đức	28/3/2005	Cần Thơ	9,0	9,0	Đạt
119	0119	Trần Trùng	Dương	08/02/2006	Cần Thơ	9,0	7,0	Đạt
120	0120	Cao Hữu	Duy	13/7/2005	Cần Thơ	5,5	7,5	Đạt
121	0121	Nguyễn Bảo Trúc	Duy	03/11/2005	Cần Thơ	9,0	7,0	Đạt
122	0122	Đặng Thanh Vũ	Em	18/4/2006	An Giang	8,5	6,5	Đạt
123	0123	Trương Thị Kim	Hân	12/6/2006	Cần Thơ	9,5	7,0	Đạt
124	0124	Ngô Chí	Hậu	29/7/2006	Cần Thơ	8,0	6,0	Đạt
125	0125	Nguyễn Văn	Hây	20/4/1983	Đồng Tháp	9,0	8,5	Đạt
126	0126	Nguyễn Thị Phước	Hiền	03/02/2006	TP. Hồ Chí Minh	8,5	9,0	Đạt
127	0127	Nguyễn Trọng	Hiếu	25/5/2003	Cần Thơ	8,0	7,0	Đạt
128	0128	Cao Trung	Hiếu	12/12/2005	Cần Thơ	9,0	7,5	Đạt
129	0129	Võ Bá	Huy	15/12/2006	Cần Thơ	8,5	8,5	Đạt
130	0130	Trần Thị Như	Huỳnh	30/4/2006	Cần Thơ	9,0	7,0	Đạt
131	0131	Huỳnh Trường	Kha	25/12/2005	Cần Thơ	9,0	5,5	Đạt
132	0132	Đỗ Vĩ	Khang	02/01/2006	Cần Thơ	8,5	7,0	Đạt
133	0133	Nguyễn Tiến	Lộc	16/01/2005	Cần Thơ	7,0	7,0	Đạt
134	0134	Nguyễn Văn	Phục	09/01/2005	Cần Thơ	7,0	5,5	Đạt
135	0135	Bùi Thị Mỹ	Tiên	12/02/2004	Cần Thơ	7,0	6,5	Đạt
136	0136	Nguyễn Thanh	Tường	04/01/2004	Cần Thơ	7,5	7,0	Đạt
137	0137	Phan Duy	Khang	08/3/2006	Cần Thơ	9,0	6,5	Đạt
138	0138	Bùi Hoàng	Khang	15/11/2006	Cần Thơ	7,5	6,5	Đạt

Stt	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					LT	TH		
139	0139	Lê Trần Quốc	Khang	29/9/2002	Cần Thơ	9,0	7,5	Đạt
140	0140	Nguyễn Tuấn	Khang	23/11/2005	Cần Thơ	9,0	6,5	Đạt
141	0141	Lê Hồng	Khiêm	04/9/2005	Cần Thơ	8,5	6,5	Đạt
142	0142	Lê Tuấn	Kiệt	06/6/2006	Cần Thơ	8,5	6,5	Đạt
143	0143	Lê Vũ	Kiệt	02/5/2006	Cần Thơ	9,0	7,0	Đạt
144	0144	Bùi Văn	Linh	07/8/2006	Cần Thơ	9,0	7,0	Đạt
145	0145	Võ Văn	Mẫn	01/01/2006	Kiên Giang	8,0	8,5	Đạt
146	0146	Dương Thị Mi	Mi	30/9/2006	Cần Thơ	8,0	8,0	Đạt
147	0147	Vì Thanh	Nam	20/10/2005	Cần Thơ	9,0	7,5	Đạt
148	0148	Đào Thị Kim	Ngân	02/11/2006	Cần Thơ	8,5	10,0	Đạt
149	0149	Thạch Trung	Nghĩa	22/8/2006	Cần Thơ	8,0	6,0	Đạt
150	0150	Dương Thị	Ngọc	12/3/2006	Cần Thơ	6,5	7,0	Đạt
151	0151	Lê Thị Thúy	Ngọc	25/7/2006	Cần Thơ	7,0	6,5	Đạt
152	0152	Nguyễn Thị Lệ	Nguyên	19/12/2005	Cần Thơ	8,5	5,5	Đạt
153	0153	Trương Huỳnh	Như	20/12/2006	Trà Vinh	7,0	7,0	Đạt
154	0154	Trần Minh	Nhật	01/6/1998	Cần Thơ	9,0	6,0	Đạt
155	0155	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	06/11/2006	Cần Thơ	6,5	5,5	Đạt
156	0156	Nguyễn Hoàng	Phú	24/11/2005	Cần Thơ	7,0	5,0	Đạt
157	0157	Nguyễn Hoàng	Phúc	10/11/2006	Cần Thơ	4,5	4,5	Không đạt
158	0158	Nguyễn Minh	Phụng	22/12/2005	Cần Thơ	7,0	6,0	Đạt
159	0159	Nguyễn Hữu	Phước	12/02/2005	Cần Thơ	8,0	7,0	Đạt
160	0160	Tăng Tuấn	Quai	17/11/2005	Cần Thơ	7,5	7,0	Đạt
161	0161	Phạm Dương Hoàng	Quân	15/11/2006	Cần Thơ	7,0	6,5	Đạt
162	0162	Phạm Hoàng	Sang	25/7/2005	Cần Thơ	8,0	7,0	Đạt

Stt	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					LT	TH		
163	0163	Nguyễn Anh Tài	26/10/2001	Cần Thơ	8,0	8,5	Đạt	
164	0164	Nguyễn Phước Tài	10/9/2005	Cần Thơ	7,5	6,5	Đạt	
165	0165	Nguyễn Thị Kim Thảo	26/8/2006	Cần Thơ	8,5	5,5	Đạt	
166	0166	Võ Văn Thia	15/4/1983	Cần Thơ	9,5	5,5	Đạt	
167	0167	Lê Thị Ánh Thu	29/7/2006	Cần Thơ	7,0	6,0	Đạt	
168	0168	Nguyễn Thị Anh Thư	03/3/2005	Cần Thơ	8,0	5,5	Đạt	
169	0169	Huỳnh Phạm Bảo Trân	29/11/2006	Cần Thơ	8,5	8,0	Đạt	
170	0170	Nguyễn Ngọc Trung	31/5/1980	Vĩnh Long	9,0	6,0	Đạt	
171	0171	Lê Hoàng Tuấn	07/12/2006	Cần Thơ	7,5	5,5	Đạt	
172	0172	Ngô Hoàng Tỷ	13/12/2005	Cần Thơ	8,0	8,5	Đạt	
173	0173	Trần Thị Thúy Vân	17/4/2006	Cần Thơ	8,5	7,0	Đạt	
174	0174	Trần Quốc Vinh	29/5/2005	Cần Thơ	8,5	6,0	Đạt	
175	0175	Hồ Ngọc Chấn	20/9/1994	Cần Thơ	6,0	4,5	Không đạt	
176	0176	Huỳnh Hải Đăng	13/01/1996	Sóc Trăng	5,0	7,0	Đạt	
177	0177	Lê Duy	13/11/1999	Sóc Trăng	4,0	7,0	Không đạt	
178	0178	Nguyễn Thị Hạnh Duyên	16/5/2002	Sóc Trăng	6,0	4,5	Không đạt	
179	0179	Trần Thị Ngọc Duyên	23/9/2002	Cần Thơ	7,0	6,0	Đạt	
180	0180	Trần Thu Hà	20/11/1995	Cần Thơ	8,5	8,0	Đạt	
181	0181	Ngô Thị Diệu Hiền	01/3/2007	Cần Thơ	5,5	5,0	Đạt	
182	0182	Dương Mỹ Hoa	28/4/2000	Đồng Tháp	9,0	8,0	Đạt	
183	0183	Cao Thị Kiều Liên	08/3/1984	Cần Thơ	7,0	8,0	Đạt	
184	0184	Cao Hoàng Long	28/9/1999	An Giang	7,0	7,5	Đạt	
185	0185	Bùi Thị Ngọc Ngân	03/12/2000	Vĩnh Long	6,0	7,5	Đạt	
186	0186	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	22/8/2002	Cần Thơ	5,0	6,0	Đạt	

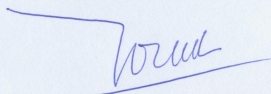


Stt	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú	
					LT	TH			
187	0187	Nguyễn Hồng	Phúc	01/5/1994	Cần Thơ	5,5	9,0	Đạt	
188	0188	Trương Trần Kiến	Quốc	25/11/1999	Cà Mau	6,5	7,0	Đạt	
189	0189	Lê Đức	Sang	29/01/2001	Cần Thơ	7,0	7,5	Đạt	
190	0190	Lê Thị Lệ	Thị	15/8/1994	Vĩnh Long	7,0	6,5	Đạt	
191	0191	Lê Nguyễn Trí	Thức	17/11/2005	Cần Thơ	6,0	6,5	Đạt	
192	0192	Văn Công	Tiến	01/5/1998	Quảng Nam	8,0	6,5	Đạt	
193	0193	Trương Ngô Quốc	Đoàn	12/3/1999	Sóc Trăng	9,5	7,0	Đạt	
194	0194	Trần Thị Huyền	Trân	12/4/1998	Trà Vinh	10,0	6,5	Đạt	
195	0195	Nguyễn Thị Kim	Trân	20/8/1992	Bạc Liêu	8,5	9,0	Đạt	
196	0196	Lê Thái	Dương	25/9/2005	Cần Thơ	6,0	7,0	Đạt	
197	0197	Lê Thị	Lắm	30/4/1986	Tiền Giang	5,0	5,5	Đạt	
198	0198	Trần Khoa	Nam	07/7/1987	Cần Thơ	7,5	6,0	Đạt	
199	0199	Lý Diễm	Quỳnh	21/7/2006	Cần Thơ	5,0	5,0	Đạt	
200	0200	Lê Thị Thu	Thảo	17/12/2002	Cần Thơ	6,0	5,0	Đạt	
201	0201	Nguyễn Trương Thị Phu	Thảo	26/7/1993	Cần Thơ	7,0	7,5	Đạt	
202	0202	Trần Thị Chánh	Thiên	15/8/2002	An Giang	7,5	7,0	Đạt	
203	0203	Lê Minh	Thư	22/5/2005	Cần Thơ	5,5	6,0	Đạt	
204	0204	Nguyễn Thị Phương	Thùy	04/10/2002	Cần Thơ	7,0	6,5	Đạt	
205	0205	Nguyễn Thị Huyền	Trân	19/10/2004	Cần Thơ	6,5	7,0	Đạt	
206	0206	Phan Minh	Truyền	19/6/1997	Cần Thơ	7,0	6,5	Đạt	
207	0207	Lý Minh	Việt	13/4/2005	Cần Thơ	6,0	5,5	Đạt	
208	0208	Lê Thị	Hà	02/5/1996	Thanh Hóa	5,5	6,0	Đạt	
209	0209	Nguyễn Thị Thùy	Hương	20/7/1990	Cần Thơ	5,0	5,0	Đạt	
210	0210	Nguyễn Thị Thu	Lan	20/02/1981	Hậu Giang	7,0	7,0	Đạt	

Stt	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					LT	TH		
211	0211	Đỗ Thị Bích	Quyên	07/01/1995	Cần Thơ	7,0	7,0	Đạt
212	0212	Phan Tấn	Sơn	10/10/1983	Bình Thuận	7,0	6,5	Đạt
213	0213	Trần Thị Cẩm	Đoan	29/9/2000	Cần Thơ	5,0	6,5	Đạt
214	0214	Nguyễn Văn	Chiêm	12/9/1972	Cần Thơ	9,0	8,5	Đạt
215	0215	Nguyễn Thới Quang	Huy	11/12/1997	Vĩnh Long	9,5	9,0	Đạt
216	0216	Lê Thanh	Lâm	01/01/1999	Cần Thơ	9,5	9,5	Đạt
217	0217	Trác Tấn	Lợi	14/10/1998	Kiên Giang	8,0	9,5	Đạt
218	0218	Nguyễn Trúc	Ngà	27/01/2004	Cần Thơ	8,0	10,0	Đạt
219	0219	Bùi Thị Bích	Phượng	16/9/1995	Cần Thơ	9,0	9,5	Đạt
220	0220	Lê Quang	Quốc	06/11/1985	Cần Thơ	9,0	9,5	Đạt
221	0221	Bùi Thanh	Thảo	21/12/1999	Vũng Tàu	8,0	9,0	Đạt
222	0222	Lê Thị Thảo	Uyên	22/8/1997	Đồng Tháp	9,0	9,5	Đạt
223	0223	Hứa Yến	Vy	16/11/1999	Sóc Trăng	8,5	9,0	Đạt
224	0224	Nguyễn Ngọc	Yến	29/5/1998	Kiên Giang	9,0	9,0	Đạt
225	0225	Trần Hoàng	Anh	20/12/1970	Cần Thơ	6,0	7,0	Đạt
226	0226	Đặng Thị	Nở	01/01/1963	Cần Thơ	8,0	6,5	Đạt
227	0227	Nguyễn Thanh	Phong	01/01/1974	Cần Thơ	7,0	6,5	Đạt
228	0228	Nguyễn Thị Trúc	Phương	01/01/1984	Cần Thơ	7,5	8,0	Đạt
229	0229	Lưu Minh	Quý	24/02/1983	Cần Thơ	9,0	6,5	Đạt
230	0230	Phan Lê Hữu	Nghĩa	17/5/1999	Bình Phước	7,5	9,0	Đạt
231	0231	Đinh Thị Yến	Nhi	14/4/2001	Hậu Giang	3,0	6,5	Không đạt
232	0232	Nguyễn Hữu	Phát	04/11/2004	Bình Dương	5,0	9,0	Đạt
233	0233	Ngô Phạm Đình	Quý	02/01/2000	Kiên Giang	5,5	6,5	Đạt
234	0234	Ngũ Phúc	Thành	16/6/1999	Cần Thơ	8,5	8,0	Đạt

Stt	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú	
					LT	TH			
235	0235	Trần Minh	Thông	04/02/1996	Cần Thơ	7,0	9,0	Đạt	
236	0236	Ngô Hồng	Thư	06/10/2000	Sóc Trăng	5,5	6,0	Đạt	
237	0237	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	13/4/2001	Cần Thơ	5,0	5,5	Đạt	
238	0238	Phạm Hữu	Tín	13/3/1999	An Giang	8,0	8,5	Đạt	
239	0239	Lê Đài	Trang	02/8/1999	Cần Thơ	8,5	8,5	Đạt	
240	0240	Đoàn Thái	Tú	26/01/2006	Nam Định	3,5	4,0	Không đạt	
241	0241	Ngô Thị Thúy	Vi	23/4/2001	Sóc Trăng	8,0	6,5	Đạt	
242	0242	Nguyễn Triệu	Vi	12/12/2003	Bạc Liêu	5,0	5,5	Đạt	
243	0243	Nguyễn Thị Ngọc	Ý	14/12/2003	Đồng Tháp	8,0	8,0	Đạt	
244	0244	Phạm Thị Yến	Vi	06/5/2000	Cần Thơ	9,5	6,5	Đạt	
245	0245	Nguyễn Đăng	Khoa	18/02/2000	Cần Thơ	10,0	7,0	Đạt	

Người nhập điểm


Nguyễn Lê Tố Oanh

Người đọc điểm


Nguyễn Thị Diễm Trang

Tổng số thí sinh đăng ký: 245, Vắng mặt: 01
Đạt: 202, Không đạt: 42

Cần Thơ, ngày 14 tháng 4 năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG




Nguyễn Hữu Quý

Duyệt của Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổng số dự thi: 244 thí sinh.

Trong đó đạt: 202 thí sinh.

Cần Thơ, ngày 14 tháng 4 năm 2023

GIÁM ĐỐC




Trần Thanh Bình